

## 14-GIẢI THÍCH PHÓNG QUANG Phần 1

KINH: Bấy giờ Thế Tôn tự trải toà Sư tử, ngồi kiết-già, mình thẳng, buộc niệm ở trước, vào Tam muội vương tam muội, hết thấy Tam muội đều nhập vào trong đó.

LUẬN: Hỏi: Phật có thị giả và các Bồ-tát, vì sao Ngài tự trải toà Sư tử?

Đáp: Việc ấy là Phật hóa thành, muốn để cho thích hợp với đại chúng; vì vậy nên A-nan không thể được trải.

Lại nữa, tâm Phật hóa làm cho nên nói là tự trải.

Hỏi: Sao gọi là toà Sư tử? Ấy là Phật tự hóa làm Sư tử hay là có Sư tử thật đến, hay là vàng bạc cây đá làm Sư tử? Lại Sư tử không phải là giống thú hiền, Phật không cần đến, cũng không nhân duyên, cho nên nó không nên đến?

Đáp: Đây hiệu là Sư tử chứ không phải là thật Sư tử. Phật là Sư tử trong loài người, nên chỗ Phật ngồi, hoặc giường, hoặc trên đất, đều gọi là toà Sư tử. Cũng như nay chỗ Quốc vương ngồi cũng gọi toà Sư tử.

Lại nữa, vua gọi người dũng kiện là Sư tử người, người xưng hô Quốc vương cũng gọi là Sư tử người. Lại như Sư tử, giữa loài thú bốn chân, đi một mình không sợ, chiết phục được hết thấy. Phật cũng như vậy, ở trong chín mươi sáu thứ ngoại đạo, hàng phục tất cả mà không sợ sệt, nên gọi là Sư tử người.

Hỏi: Có nhiều cách ngồi, sao Phật chỉ dùng cách ngồi kiết-già?

Đáp: Trong các cách ngồi, cách ngồi kiết-già an ổn nhất, không mệt mỏi. Ấy là cách ngồi của người tọa thiền nhiếp trì tay chân, tâm cũng không tán loạn.

Lại là cách an ổn nhất trong bốn oai nghi của thân. Thiền tọa ấy là cách ngồi để thủ đạo, Ma vương trông thấy, tâm nó lo sợ. Ngồi như vậy là pháp của người xuất gia, ngồi kiết-già phu tọa dưới rừng cây, chúng nhân trông thấy đều rất hoan hỷ, cho rằng đạo nhân như vậy chắc chắn được đạo, như kệ nói:

*Nếu kiết già phu tọa,  
Thân an vào Tam muội,  
Oai đức người kính ngưỡng,  
Như mặt trời chiếu khắp.  
Trừ ngủ, biếng, che tâm,  
Thân nhẹ không mệt mỏi,  
Giác ngộ cũng dễ dàng,  
Yên như rồng cuộn khúc,  
Thấy vẻ ngồi kiết già,  
Ma vương cũng lo sợ,*

*Hướng gì người nhập đạo,  
Ngồi yên không lay động.*

Vì vậy nên ngồi kiết-già.

Lại nữa, Phật dạy đệ tử nên ngồi như thế. Có bọn ngoại đạo, hoặc thường co chân để cầu đạo, hoặc thường đứng, hoặc vác chân, điên cuồng nông nổi như vậy, tâm chìm biển tà, tình không an ổn; vì vậy Phật dạy đệ tử kiết-già thân ngồi thẳng. Vì sao thân thẳng? Vì tâm dễ chánh, thân ngồi thẳng thì tâm không biếng nhác, đoan tâm chánh ý, buộc niệm ở trước, nếu tâm chạy loạn, nhiếp nó trở lại; vì muốn vào Tam muội nên các niệm chạy loạn cũng đều nhiếp nó lại. Buộc niệm như vậy vào Tam muội vương tam muội.

Sao gọi là Tam muội vương tam muội? Tam muội ấy tự tại bậc nhất giữa các Tam muội, có thể duyên vô lượng các pháp tướng, như vua là bậc nhất giữa mọi người, Chuyển luân Thánh vương là bậc nhất giữa các vua, Phật là bậc nhất giữa hết thảy trên Trời dưới Trời. Tam muội này cũng như vậy, là bậc nhất giữa các Tam muội.

Hỏi: Nếu do Phật lực thì hết thảy Tam muội đều nên bậc nhất, cơ sao chỉ gọi Tam muội vương là bậc nhất?

Đáp: Tuy là nói do thần lực của Phật, mà các Tam muội của Phật hành trì đều bậc nhất, nhưng trong các pháp phải có sự sai khác. Như các trân bảo của Chuyển luân Thánh vương, tuy hơn châu báu của các vua, nhưng trong đó trân bảo ấy tự có sai khác, quý tiện rất khác nhau.

Tam muội vương tam muội ấy nhiếp vào định nào? Có tướng gì? Có người nói: Tam muội vương tam muội gọi là tướng tự tại, nhiếp thuộc năm uẩn hiện ở trong Thiền thứ tư. Vì sao? Vì chư Phật ở trong Thiền thứ tư thực hành Kiến đế đạo, chứng được A-na-hàm, tức thời trong mười tám chi thiền tâm mà chứng được Phật đạo, ở trong Thiền thứ tư mà xả thọ mạng, và từ trong Thiền thứ tư khởi lên mà nhập Vô-dư Niết-bàn. Ở trong Thiền thứ tư có Tám sanh trú xứ, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Mười nhất thiết nhập, phần nhiều ở trong Thiền thứ tư. Thiền thứ tư gọi là bất động, pháp thiền định không ngăn ngại. Ở trong Dục giới, các dục ngăn ngại tâm thiền định. Trong Sơ thiền, giác quán làm tâm động. Trong Nhị thiền, sự mừng lớn làm tâm động. Trong Tam thiền, sự vui lớn làm tâm động. Trong Tứ thiền thì không động.

Lại nữa, ở Sơ thiền bị lửa đốt; ở Nhị thiền bị nước ngập; ở Tam thiền bị gió thổi; ở Tứ thiền không bị ba thứ hoạn nạn đó. Ở đây không còn hơi thở ra vào, xả niệm thanh tịnh; vì vậy nên Vương tam muội nếu ở trong Thiền thứ tư, thì như vật báu tốt cất trong kho tốt.

Lại có người nói: Tam muội của Phật, ai biết được tướng đó? Hết thảy các Phật pháp, nhất tướng vô tướng, vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn. Các Tam muội khác còn không thể lường, không thể đếm, không

thể nghĩ bàn, huống gì Tam muội vương tam muội? Tam muội như thế, duy có Phật biết được. Như thần túc, sự trì giới của Phật còn không thể biết, huống là Tam muội vương tam muội?

Lại nữa, Tam muội vương tam muội, hết thấy các Tam muội đều vào trong đó, nên gọi là Tam muội vương tam muội. Cũng như ở Diêm-phù-đề, ngàn sông muôn dòng đều chảy vào biển, cũng như tất cả nhân dân đều thuộc Quốc vương.

Hỏi: Phật có Nhất thiết trí, không gì không biết; cố sao phải vào Tam muội vương tam muội này, vậy sau mới biết?

Đáp: Vì muốn chỉ rõ trí tuệ từ nhân duyên sanh, để ngăn bọn ngoại đạo mà nói trí tuệ của chúng ta trong tất cả thời là thường có, thường biết; vì vậy nên nói Phật nhập vào Tam muội vương tam muội thì biết, không vào thì không biết.

Hỏi: Nếu như vậy, thì Phật lực giảm yếu?

Đáp: Lúc muốn nhập Tam muội vương tam muội, không phải là khó, nghĩ đến liền được, không phải như hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật, các tiểu Bồ-tát, gắng sức cầu nhập.

Lại nữa, nhập vào trong Tam muội vương tam muội ấy, khiến sáu thần thông suốt mười phương, không hạn không lượng.

Lại nữa, Phật nhập vào Tam muội vương tam muội, thì biến hóa đủ thứ, hiện đại thần lực. Nếu không nhập vào Tam muội vương tam muội mà hiện thần lực, thì có người tâm nghĩ: “Đó là Phật dùng huyền lực, chú thuật, hoặc là đại lực long thần, hoặc là trời chứ không phải người”. Vì sao? Vì thấy một thân xuất ra vô lượng thân, các thứ quang minh biến hóa nên cho là không phải người; vì để đoạn chỗ nghi đó, nên Phật nhập vào Tam muội vương tam muội.

Lại nữa, Phật nếu vào các tam muội khác thì hàng chư Thiên, Thanh-văn, Bích-chi Phật có thể lường biết. Tuy nói thần lực của Phật là lớn mà còn có thể biết, thì tâm cung kính không nặng, vì vậy nên vào trong Tam muội vương tam muội, để hết thấy chúng Thánh, cho đến Thập trụ Bồ-tát không thể lường biết, không biết tâm Phật nương ở đâu, duyên ở đâu; vì vậy nên Phật nhập vào Tam muội vương tam muội.

Lại nữa, Phật có khi phóng ánh sáng lớn, hiện thần lực lớn, như khi sanh, khi đắc đạo, khi bắt đầu Chuyển pháp luân, khi chư thiên, Thánh nhân hòa hiệp tập hội lớn, hoặc khi tội phá ngoại đạo đều phóng ánh sáng lớn. Nay muốn hiện sự thù thắng đó nên phóng ánh sáng lớn, khiến mười phương hết thấy Trời, người, chúng sanh, và các A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát đều được thấy, biết; vì vậy nên Phật nhập vào Tam muội vương tam muội.

Lại nữa, ánh sáng, thần lực có hạ, trung, thượng. Chú thuật, huyền thuật làm ra ánh sáng, biến hóa là hạ. Chư Thiên, Long thần được quả

báo có ánh sáng, thần lực là trung. Vào các tam muội, do tâm lực và công đức đời nay, mà phóng ánh sáng lớn, hiện thần lực lớn là thượng; vì vậy nên Phật vào Tam muội vương tam muội.

Hỏi: Như các Tam muội có từng tướng riêng, thế nào hết thấy tam muội đều vào trong đó?

Đáp: Khi được Tam muội vương tam muội, thì hết thấy Tam muội đều được, nên nói đều vào trong đó. Do sức của Tam muội ấy, mà hết thấy các Tam muội đều được, vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn, vì vậy gọi là vào.

Lại nữa, vào trong Tam muội vương tam muội ấy, thì hết thấy Tam muội, hễ muốn vào liền vào.

Lại nữa, vào trong Tam muội vương tam muội ấy thì có thể quán hết thấy tướng Tam muội, như ở trên núi nhìn xuống.

Lại nữa, Phật vào trong Tam muội vương tam muội ấy, thì có thể quán hết thấy mười phương thế giới, cũng có thể quán hết thấy chúng sanh; vì vậy nên Phật vào Tam muội vương tam muội.

**KINH:** Bấy giờ, Thế Tôn từ Tam muội an lành mà khởi, dùng Thiên nhãn quán xem thế giới, toàn thân mỉm cười.

**LUẬN:** Hỏi: Sao Thế Tôn vào Tam muội vương tam muội, không hành động, mà từ định khởi dậy, quán xem thế giới?

Đáp: Phật vào Tam muội vương tam muội thì hết thấy Phật pháp bảo tạng đều khai mở, đều xem thấy. Ở trong Tam muội vương tam muội ấy xem xong, tự nghĩ “Pháp tạng này của ta vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn”, vậy sau mới từ Tam muội an tường mà khởi, dùng Thiên nhãn quán xem chúng sanh, biết chúng sanh nghèo khổ, Pháp tạng này từ nhân duyên mà được, hễ thấy chúng sanh cũng đều có thể được, chỉ vì ở trong si mê, không biết cầu tìm; vì vậy nên toàn thân mỉm cười.

Hỏi: Phật có Phật nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn hơn Thiên nhãn, sao lại dùng Thiên nhãn quán xem thế giới?

Đáp: Vì Nhục nhãn thì thấy không khắp. Tuệ nhãn thì biết thật tướng của các pháp,

Pháp nhãn thì thấy người ấy dùng phương tiện gì, hành pháp gì mà đắc đạo. Phật nhãn thì hết thấy pháp hiện tiền đều biết rõ ràng; còn Thiên nhãn thì thấy thế giới và chúng sanh không bị chướng ngại, các nhãn khác không như vậy. Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn tuy hơn song không phải để thấy chúng sanh. Muốn thấy chúng sanh, chỉ dùng hai nhãn là Nhục nhãn và Thiên nhãn; vì Nhục nhãn thấy không khắp bởi có chướng ngại, nên dùng Thiên nhãn mà xem.

Hỏi: Nay mắt ấy ở nơi Phật, sao gọi là Thiên nhãn?

Đáp: Mắt ấy phần nhiều ở chư Thiên. Thiên nhãn trông thấy không bị chướng ngại núi vách, cây cối. Nếu người do sức tu hành tinh tấn, trì

giới, thiên định mà có được, không phải phần có được từ khi sanh ra; vì vậy nên gọi là Thiên nhân.

Lại nữa, người phần nhiều tôn quý Trời, lấy Trời làm chúa. Phật theo lòng người; vì vậy nên gọi là Thiên nhân.

Lại nữa, Trời có ba thứ là: Danh thiên, Sanh thiên, Tịnh-thiên. Danh thiên (Trời trên danh xưng) như Thiên vương, Thiên tử. Sanh thiên (Trời theo nơi sanh) là Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên. Tịnh-thiên (Trời theo nghĩa có đức thanh tịnh) là Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán. Tôn quý nhất trong hàng Tịnh-thiên là Phật, nên nay nói Thiên nhân, cũng không lỗi.

Thiên nhân quán xem thế giới là, vì chúng sanh thường cầu an vui mà lại bị khổ, tâm đắm trước tự ngã mà tâm ấy thật không tự ngã. Chúng sanh thường sợ khổ mà thường hành khổ, như người mù tìm con đường tốt lại bị sa hố sâu. Quán các thứ như vậy xong, toàn thân mỉm cười.

Hỏi: Cười từ miệng phát ra, hoặc là con mắt cười, nay cố sao nói toàn thân cười?

Đáp: Phật là bậc tôn quý tự tại trong thế giới, có thể khiến toàn thân như miệng, như mắt, cho nên đều có thể cười.

Lại nữa, hết thấy lỗ chân lông đều mở ra, cho nên gọi là cười. Do miệng cười hoan hỷ nên tất cả lỗ chân lông đều mở ra.

Hỏi: Phật là đáng chí tôn chí trọng, vì sao lại cười?

Đáp: Như đại địa, không vì vô sự và tiểu nhân duyên mà rung động. Phật cũng như vậy, nếu vô sự và tiểu nhân duyên thì không cười. Nay vì đại nhân duyên nên toàn thân cười. Thế nào là đại? Phật muốn thuyết Đại Bát-nhã Ba-la-mật, vô ương vô số chúng sanh sẽ nối giống Phật, ấy là đại nhân duyên.

Lại nữa, Phật nói: “Ta đời đời từng làm tiểu trùng, ác nhân, dần dần gom các thiện căn, được đại trí tuệ, nay tự thành Phật, thần lực vô lượng, tối thượng tối đại. Hết thấy chúng sanh cũng có thể được như vậy, tại sao chịu khổ nhọc mà lại đọa chỗ nhỏ?”, vì vậy nên cười.

Lại nữa, có nhân nhỏ mà quả to, duyên ít mà báo lớn như cầu Phật đạo, chỉ tán thán một bài kệ, một lần xưng Nam mô Phật, đốt một nén hương, mà chắc chắn được làm Phật, huống gì nghe hiểu các pháp thật bất sanh bất diệt, không bất sanh bất diệt, mà nhân duyên hành nghiệp cũng không mất; vì việc ấy nên cười.

Lại nữa, tướng Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh như hư không, không thể cho, không thể lấy, Phật dùng các phương tiện quang minh thần đức, để giáo hóa hết thấy chúng sanh, khiến tâm điều nhu, vậy sau mới có thể tin thọ Bát-nhã Ba-la-mật; vì vậy, nên nhân đó mà cười và phóng quang.

Cười có các nhân duyên: Có người hoan hỷ mà cười, có người sân nhuế mà cười, có người khinh người mà cười, có người thấy sự lạ mà

cười, có người thấy việc đáng hổ thẹn mà cười, có người thấy phương khác phong tục lạ mà cười, có người thấy việc hy hữu khó được mà cười. Nay là việc hy hữu khó nhất: Các pháp tướng vốn bất sanh bất diệt, chơn không vô tự vô danh, vô ngôn vô thuyết, mà muốn tác danh lập tự để nói cho chúng sanh, khiến được giải thoát, ấy là sự khó nhất. Cũng như đồng lửa lớn trăm do tuần, có người đội cỏ khô, đi qua trong lửa mà không bị cháy một ngọn lá, ấy là rất khó. Chư Phật cũng như vậy, mang các cỏ danh tự của vạn pháp, vào trong thật tướng các pháp mà không bị ngọn lửa nhiễm trước bốc cháy, đi thẳng qua vô ngại; ấy là rất khó. Vì việc khó ấy nên cười. Như vậy, các việc khó hy hữu, cho nên toàn thân mỉm cười.

**KINH:** Từ trong tướng bánh xe ngàn cãm dưới bàn chân, phóng ra sáu trăm vạn ức ánh sáng.

**LUẬN:** Hỏi: Phật vì sao trước tiên phóng ánh sáng nơi thân?

Đáp: Đã đáp ở trong đoạn nói về nhân duyên cười trên kia, nay sẽ nói thêm: Có người thấy thân Phật phóng vô lượng ánh sáng lớn, sanh lòng thanh tịnh cung kính, biết đó không phải là người thường.

Lại nữa, Phật muốn hiện tướng bắt đầu của ánh sáng trí tuệ nên trước tiên phóng ra ánh sáng nơi thân; chúng sanh biết ánh sáng nơi thân của Phật đã hiện, thì ánh sáng của trí tuệ cũng sẽ xuất hiện.

Lại nữa, hết thảy chúng sanh thường đắm trước dục lạc, trong ngũ dục, sắc là đầu tiên. Khi thấy ánh sáng nhiệm màu này, tâm chắc ưa thích, mà từ bỏ các vui cũ, khiến tâm dần dần ly dục, vậy sau nói trí tuệ cho.

Hỏi: Các Thiên nhân khác cũng có thể phóng ánh sáng, vậy Phật phóng ánh sáng có gì sai khác?

Đáp: Các Thiên nhân tuy có thể phóng ánh sáng, nhưng có hạn lượng. Mặt trời mặt trăng chỉ chiếu trong tứ thiên hạ; còn Phật phóng ánh sáng chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, từ Tam thiên đại thiên thế giới xuất ra chiếu khắp đến hạ phương. Ánh sáng của người khác chỉ làm cho người hoan hỷ mà thôi, còn Phật phóng ánh sáng, có thể khiến hết thảy người nghe pháp được độ; vì thế cho nên khác.

Hỏi: Như trong một thân, đầu ở trên hết, sao lại trước tiên từ dưới chân phóng ánh sáng?

Đáp: Thân được trụ đều do chân. Lại nữa, trong một thân, tuy đầu quý mà chân tiện, Phật không tự quý ánh sáng, không vì lợi dưỡng, vì thế nên ở chỗ tiện phóng ánh sáng.

Lại nữa, các Rồng, Rắn lớn, Quỷ thần từ trong miệng tuôn ánh sáng, độc hại vật trước mặt. Nếu Phật từ miệng phóng ánh sáng, chúng sanh sẽ sợ hãi: Ánh sáng lớn gì thế, lại sợ bị hại? Cho nên Phật từ dưới chân phóng ánh sáng.

Hỏi: Dưới chân có sáu trăm vạn ức ánh sáng, cho đến nhục kế, là đều đếm được, còn không thể chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, huống gì mười phương?

Đáp: Ánh sáng nơi thân ấy là gốc của các ánh sáng, từ gốc ra chi lưu vô lượng vô số. Cũng như con trùn Ca-la-câu-la, thân nó bé tí, song gặp gió thì to dần, cho đến có thể nuốt hết tất cả. Ánh sáng cũng như vậy, có thể độ được chúng sanh, càng tăng đến vô hạn.

**KINH:** Mười ngón chân, hai mắt cá, hai bắp chân, hai đầu gối, hai bắp vế, lưng, xương sống, bụng, lỗ rốn, tim, chữ vạn ở ngực, vai, cánh tay, mười ngón tay, cổ, miệng, bốn mươi cái răng, hai lỗ mũi, hai mắt, hai tai, tướng lông trắng, nhục kế, mỗi nơi đều phóng ra sáu trăm vạn ức ánh sáng.

**LUẬN:** Hỏi: Ánh sáng dưới chân có thể chiếu đến Tam thiên đại thiên và mười phương thế giới, thì từng mỗi thân phần có phóng ra sáu trăm vạn ức ánh sáng nữa để làm gì?

Đáp: Trước tôi đã nói ánh sáng dưới chân chỉ chiếu phương dưới, các phương khác không chiếu, thế nên lại phóng ánh sáng nơi mỗi thân phần. Có người nói: Trong hết thủy thân phần, chân là chỗ đứng, cho nên rất lớn, các phần khác không được vậy, thế nên Phật trước tiên từ dưới chân phóng sáu trăm vạn ức ánh sáng để khai thị cho chúng sanh. Như trong ba mươi hai tướng, đầu tiên gieo trồng dưới chân để được an trú, thì hết thủy thân phần đều có thần lực.

Hỏi: Nương Tam muội gì, nương thần thông gì, nương thiền định gì mà phóng ra ánh sáng ấy?

Đáp: Nương Tam muội vương tam muội, phóng ra ánh sáng ấy, nương Như ý thông trong Lục thông, và đệ Tứ thiền trong Tứ thiền mà phóng ra ánh sáng ấy. Trong đệ Tứ thiền, từ Hỏa thắng xứ, Hỏa nhất thiết nhập phóng ra ánh sáng.

Lại nữa, lúc Phật mới sinh, lúc mới thành Phật, lúc bắt đầu Chuyển pháp luân, đều phóng ra vô lượng ánh sáng chiếu khắp mười phương, huống gì lúc thuyết Đại Bát-nhã Ba-la-mật mà không phóng? Cũng như châu báu của Chuyển luân Thánh vương, thường có ánh sáng chiếu quân binh của vua, bốn bên đều một do tuần. Phật cũng như vậy, vì có duyên của chúng sanh, nếu không vào Tam muội, thì hằng phóng ánh sáng thường. Vì sao? Vì các pháp bảo của Phật thành tựu vậy.

**KINH:** Từ các ánh sáng ấy, xuất ra ánh sáng lớn, chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Từ Tam thiên đại thiên thế giới, chiếu khắp các thế giới nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông, phương Nam, Tây,



Bắc, bốn hướng, trên dưới cũng như vậy. Nếu có chúng sanh gặp ánh sáng ấy, ắt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Ánh sáng phóng ra quá hằng hà sa thế giới phương Đông, cho đến mười phương cũng như vậy.

**LUẬN:** Hỏi: Như tướng lửa cháy bốc lên, tướng nước thấm xuống, tướng gió đi ngang, ánh sáng ấy thuộc hơi lửa nên đi lên, làm sao đến khắp Tam thiên đại thiên thế giới và mười phương thế giới?

Đáp: Ánh sáng có hai thứ: Một thuộc hơi lửa, một thuộc hơi nước. Ánh sáng mặt trời thuộc hơi lửa, ánh sáng mặt trăng thuộc hơi nước. Tướng của lửa tuy cháy bốc lên, nhưng lửa trong thân người, trên dưới có khắp. Lửa mặt trời cũng thế, cho nên tháng mùa hạ cả đất và nước đều nóng; vì vậy, nên biết lửa không phải đều bốc lên.

Lại nữa, ánh sáng ấy là Phật lực nên chiếu khắp mười phương. Cũng như chiếc cung mạnh điều khiển mũi tên, tùy nơi nhắm tới.

Hỏi: Vì sao trước tiên chiếu phương Đông, rồi sau mới chiếu phương Nam, Tây, Bắc?

Đáp: Vì mặt trời mọc phương Đông trước tiên, nên Phật theo ý của chúng sanh, trước tiên chiếu ở phương Đông.

Lại nữa, cùng một nghi nạn như nhau. Nếu trước tiên chiếu phương Nam, thì sẽ hỏi tại sao trước tiên không chiếu phương Đông, Tây, Bắc? Nếu trước tiên chiếu phương Tây, Bắc cũng thế thôi.

Hỏi: Ánh sáng bao lâu sẽ diệt?

Đáp: Phật dùng thần lực, muốn còn thì còn, xả thần lực thì diệt. Ánh sáng của Phật như ngọn đèn, thần lực như dầu, nếu Phật không xả thần lực thì ánh sáng không diệt.

Hỏi: Thế nào là Tam thiên đại thiên thế giới?

Đáp: Trong kinh Tạp A-hàm, Phật phân biệt nói: Ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Uất-đan-la-việt, ngàn Phất-bà-đề, ngàn Tu-di-sơn, ngàn Tứ-thiên-vương thiên, ngàn Tam-thập-tam thiên, ngàn Dạ-ma thiên, ngàn Đâu-suất-đà thiên, ngàn Hóa-tự-tại thiên, ngàn Tha-hóa-tự-tại thiên, ngàn Phạm-thiên, ngàn Đại Phạm thiên. Ấy gọi là Tiểu thiên thế giới, tên là Châu lý. Châu lý gồm ngàn thế giới làm một Tiểu thiên thế giới. Từ một kể đến ngàn, gọi là hai ngàn Trung thiên thế giới. Lấy hai ngàn Trung thiên thế giới làm một, từ một kể đến ngàn, gọi là ba ngàn Đại thiên thế giới. Ngàn đầu là Tiểu thiên, ngàn thứ hai là Trung thiên, ngàn thứ ba là Đại thiên. Số ngàn ngàn chồng lên, nên gọi là Đại thiên. Quá hai ngàn lại thêm ngàn, nên gọi là Tam thiên, ấy là danh từ tập hợp. Trăm ức nhật nguyệt cho



đến trăm ức Đại Phạm thiên, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới, một lần sanh, một lần diệt.

Có người nói: Thời gian trụ là một kiếp, thời gian diệt là một kiếp, trở lại thời gian sanh là một kiếp, ấy là Tam thiên đại thiên thế giới. Đại kiếp cũng có ba thứ phá hoại (đại tam tai) là nước, lửa, gió. Tiểu kiếp cũng có ba thứ phá hoại (tiểu tam tai) là đao, binh, ôn dịch, cơ cấn.

Tam thiên đại thiên thế giới ấy ở giữa hư không, trên gió là nước, trên nước là đất, trên đất là người.

Núi Tu-di có hai nơi: Nơi Tứ-thiên-vương ở và nơi Tam-thập-tam thiên ở, thừa ra là nơi trời Dạ-ma v.v... ở. Do nhân duyên phước đức, đất toàn bảy báu, gió nổi giữa không, cho đến trời Đại Phạm, đều là đất bảy báu, đều ở trên gió.

Ánh sáng chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới ấy. Ánh sáng quá thừa ra, chiếu đến hằng sa thế giới phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc; bốn hướng trên, dưới cũng như vậy.

Hỏi: Ánh sáng ấy chiếu khắp, tại sao không diệt?

Đáp: Ánh sáng lấy thần lực của Phật làm gốc, gốc còn cho nên không diệt. Cũng như suối Rồng, do sức Rồng mà nước không khô. Các ánh sáng ấy do tâm lực của Phật nên chiếu khắp mười phương, trung gian không diệt.

Hỏi: Như các sông lớn trong Diêm-phù-đề cũng có sông lớn hơn sông Hằng, vì sao thường chỉ nói Hằng hà sa?

Đáp: Cát ở sông Hằng nhiều, sông khác không bằng. Lại nữa, sông Hằng là nơi Phật sanh, nơi Phật du hành, các đệ tử tận mắt thấy nên lấy làm ví dụ.

Lại nữa, Phật ra đời tại Diêm-phù-đề, Diêm-phù-đề có bốn sông lớn, phát xuất ở phía Bắc, chảy vào trong bốn phương đại hải. Trong núi tuyết phía Bắc có ao A-na-bà-bạt-đa, có hoa sen bảy báu sắc vàng kim, lớn như tầng xe. Long vương A-bà-bạt-đa chính là đại Bồ-tát ở đệ thất trụ. Bốn bên ao ấy, có bốn dòng nước. Đông phương hình đầu voi, Nam phương hình đầu trâu, Tây phương hình đầu ngựa, Bắc phương hình đầu sư tử. Đông phương hình đầu voi, phát xuất sông Hằng, đáy sông có cát vàng. Nam phương hình đầu trâu, phát xuất sông Tân-đầu; đáy sông cũng có cát vàng. Tây phương hình đầu ngựa, phát xuất sông Bà-xoa; đáy sông cũng có cát vàng. Bắc phương hình đầu sư tử, phát xuất sông Tư-đà; đáy sông cũng có cát vàng.

Bốn sông ấy đều phát xuất ở Bắc sơn. Sông Hằng phát xuất ở Bắc sơn chảy vào biển Đông. Sông Tân-đầu phát xuất ở Bắc sơn chảy vào

biển Nam. Sông Bà-xoa phát xuất ở Bắc sơn chảy vào biển Tây. Sông Tư-đà phát xuất ở Bắc sơn chảy vào biển Bắc. Trong bốn sông ấy, sông Hằng lớn nhất. Kinh thư của các người ở bốn phương xa đều cho sông Hằng là sông phước đức tốt lành, nếu ai vào đó tắm rửa thì các ác tội cấu đều trừ sạch, vì người ta kính thờ sông ấy, ai nấy đều biết, cho nên Phật lấy sông Hằng làm thí dụ.

Lại nữa, tên của các sông khác ưa thay đổi, tên của sông Hằng đời đời không thay đổi; vì vậy nên lấy cát sông Hằng làm thí dụ, không lấy các sông khác.

Hỏi: Cát trong sông Hằng có bao nhiêu?

Đáp: Hết thầy toán số không thể biết được, chỉ có Phật và pháp thân Bồ-tát mới biết được số đó. Phật và pháp thân Bồ-tát, hết thầy vi trần trong Diêm-phù-đề sanh, diệt, nhiều, ít, đều có thể đếm biết, huống gì là cát sông Hằng? Như lần Phật ngồi dưới gốc cây trong vườn phía ngoài tinh xá Kỳ-Hoàn, có một Bà-la-môn đi đến chỗ Phật hỏi: “Rừng cây này có bao nhiêu lá?” Phật tức thời đáp lại: “Có bấy nhiêu lá”. Bà-la-môn sanh tâm nghi: “Lấy ai làm chứng?” Bà-la-môn đi đến bên gốc cây, lấy một ít lá trên cây rồi dấu kỹ đi trở lại hỏi Phật: “Rừng cây này có bao nhiêu lá nhất định?” Phật liền đáp: “Nay thiếu mất bấy nhiêu lá”. Phật đã nói số lá mất đúng như số lá mà Bà-la-môn lấy để trả lời. Bà-la-môn biết rồi, tâm rất kính tín, cầu xin Phật cho xuất gia, về sau được chứng quả A-la-hán, vì vậy, nên biết Phật có thể biết số cát sông Hằng.

Hỏi: Có bao nhiêu người gặp ánh sáng của Phật, ắt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề? Nếu gặp ánh sáng bèn đắc đạo, Phật có tâm đại từ, sao không thường phóng ánh sáng để cho tất cả đắc đạo, cần gì phải trì giới, thiền định, trí tuệ, vậy sau mới đắc đạo?

Đáp: Chúng sanh do nhiều nhân duyên được độ chẳng đồng, có người do thiền định mà được độ, có người do trì giới thuyết pháp mà được độ, có người do ánh sáng chạm thân mà được độ. Cũng như thành có nhiều cửa vào, mà nơi đi đến của mỗi cửa không khác. Có người do ánh sáng chạm thân mà được độ, nhưng cũng có người thấy ánh sáng hoặc chạm thân mà không được độ.

**KINH:** Bấy giờ, từ lỗ chân lông trên toàn thân của Thế Tôn cũng đều mỉm cười mà phóng ra các ánh sáng, chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, lại chiếu đến hằng hà sa thế giới khắp mười phương. Nếu có chúng sanh gặp ánh sáng ấy, thì được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề.

**LUẬN:** Hỏi: Trên kia, đã nói toàn thân mỉm cười; nay vì sao lại nói hết thả lỗ chân lông đều cười?

Đáp: Toàn thân mỉm cười là phần thô, nay hết thả lỗ chân lông đều cười là phần tế.

Lại nữa, trước toàn cả thân mỉm cười, ánh sáng có số lượng, nay hết thả lỗ chân lông đều cười thì ánh sáng vô lượng.

Lại nữa, trước gặp ánh sáng của toàn thân mà chưa được độ, thì nay gặp ánh sáng của lỗ chân lông liền được độ. Cũng như rung cây lấy quả, quả chín rụng trước, nếu chưa rụng, lại rung tiếp lần sau. Lại như bắt cá, lưới trước chưa bắt hết, lưới sau sẽ bắt. Nhân duyên cười như trên đã nói.

